

Bản án số: 132/2025/HS-PT

Ngày: 20/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thu Hương

Ông Đào Anh Đức

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký TAND tỉnh T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2025/TLPT - HS ngày 25/7/2025 đối với bị cáo Lê Văn F, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 69/2025/HS-ST ngày 18/6/2025 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Thanh Hóa (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - T).

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Văn F, sinh năm 1994 tại tỉnh T;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Bắc Hải, phường Hải Thượng, thị xã S (nay là phường S), tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038094015064 (theo danh bản, chỉ bản số 78 lập ngày 06/5/2025 tại Phòng PV06 CA tỉnh Thanh Hóa); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Quân (đã chết) và bà: Trần Thị Ngân (đã chết); có vợ Mai Thị Hương, có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/8/2021, Ủy ban nhân dân xã Hải Yến, thị xã S ra quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy tại xã, thời hạn 03 tháng, kể từ ngày 12/8/2021 đến ngày 12/11/2021; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; tại ngoại; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn F là chủ sở hữu xe ô tô tải BKS 36C-384.50. Ngày 22/02/2023, F mang chiếc xe ô tô này đến Công ty TNHH SRISAWAD Việt Nam - Chi nhánh

T 3, địa chỉ tại số 383 đường Bà Triệu, thị trấn N, tỉnh T cầm cố lấy số tiền 50.000.000đ, theo thỏa thuận Công ty giữ lại giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và cho F mượn lại chiếc xe ô tô kèm theo các giấy tờ khác của xe để sử dụng trong thời hạn 01 tháng với mức phí 1.500.000đ. Sau đó, F nảy sinh ý định làm giả giấy đăng ký xe ô tô nên đã sử dụng hình ảnh đăng ký xe chụp trước đó đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe số 36 032489, mang tên Lê Văn F, có số máy, số khung và biển số trùng với biển số đăng ký của xe là 36C1-384.50 với mục đích sử dụng để tham gia giao thông hoặc sử dụng để cầm cố hoặc bán xe. Ngày 31/7/2024, do cần tiền tiêu xài nên F đã sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cùng với chiếc xe ô tô BKS 36C-384.50 đến nhà anh Trần G, sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố Liên Trung, phường Hải Thượng, thị xã S để cầm cố lấy số tiền 30.000.000đ. Đến ngày 01/8/2024, do cần thêm tiền tiêu xài nên F đã bán lại chiếc xe này cho Lê B, trú tại tổ dân phố Dư Quận 1, phường Xuân Lâm, thị xã S, anh Bắc kiểm tra thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả trùng với đặc điểm và thông số của xe nên đã tin tưởng, đồng ý mua chiếc xe này với giá 77.000.000đ. Sau khi nhận được tiền, F đã dùng số tiền này trả nợ cho anh Toàn và tiêu xài cá nhân.

Về phần anh G sau khi mua xe, thì phát hiện giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô trên là giả nên đã trình báo sự việc đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã S và giao nộp 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 19/8/2024, biết hành vi sử dụng giấy tờ giả của mình bị phát hiện, nên F đã đến công ty TNHH SRISAWAD Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa 3 tắt toán khoản vay, lấy lại giấy chứng nhận đăng ký xe giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận giám định số 3568/KL-KTHS, ngày 30/9/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 36 032489 mang tên Lê Văn F nêu ở mục II.1.1 (ký hiệu A) là giả (bao gồm: Phôi in, hình dấu và chữ ký).

Tại Kết luận giám định số 40/KL-KTHS, ngày 18/12/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 36 032489 đứng trên Lê Văn F ở mục II.1 (ký hiệu A) có: Phôi in; hình dấu tròn, màu đỏ, nội dung: “*PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG*CÔNG AN TỈNH THANH HÓA*”; hình dấu tên “*ĐẠI TÁ Lê Văn Chiến*” được làm bằng phương pháp in laser màu”. Chữ ký đứng tên ĐẠI TÁ Lê Văn Chiến là chữ ký trực tiếp, so với chữ ký đứng tên ĐẠI TÁ Lê Văn Chiến ở mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

Về nguồn gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, quá trình điều tra Lê Văn F khai đã đặt mua của một nam nhân viên thuộc cơ sở quảng cáo Tùng Quế, có địa chỉ tại tổ dân phố Liên Hải, phường Hải Thượng, thị xã S. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, làm việc với anh Nguyễn Bá Tùng, là chủ cơ sở quảng cáo trên, tuy nhiên anh Tùng không thừa nhận cơ sở của anh đã làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho F; ngoài lời khai của F thì không còn tài liệu, chứng cứ

nào khác chứng minh nên không có căn cứ xác định cơ sở quảng cáo Tùng Quế của anh Tùng đã làm giả giấy tờ trên.

Cũng trong quá trình điều tra, F khai đã đặt mua 06 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, F đã sử dụng 01 chiếc để cầm cố và bán xe, còn lại 05 chiếc F cất giấu tại nhà, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét nơi ở của F, nhưng không thu giữ thêm được giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả nào. Ngoài lời khai của F, thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh F đã đặt làm giả 06 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả như F đã khai báo trên.

Cơ quan điều tra đã thu giữ:

** Thu giữ của Lê B:*

- 01 xe ô tô tải BKS 36C-384.50, có số khung RRT06525TM1A00680, số máy DK121021326508; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của xe ô tô BKS 36C-384.50. Sau khi xác minh nguồn gốc phương tiện, Cơ quan điều tra đã giao trả chiếc xe ô tô và giấy tờ trên cho anh Lê B.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 36 032489, mang tên Lê Văn F, có số máy K121021326508, số khung RRT06525TM1A00680, biển số đăng ký 36C1-384.50, sau giám định, xác định đây là giấy tờ giả, Cơ quan giám định đã niêm phong trong phong bì màu trắng, mặt sau có 05 hình dấu tròn màu đỏ, nội dung “PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ * CÔNG AN TỈNH THANH HÓA” và các chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Thị Hồng, Đỗ Hồng Quân giao cho Cơ quan điều tra đưa vào hồ sơ vụ án.

** Thu giữ của Lê Văn F:* 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 36 032489, mang tên Lê Văn F, số máy DK121021326508, số khung RRT06525TM1A00680, biển số đăng ký 36C1-384.50. Sau giám định, Cơ quan giám định đã niêm phong trong phong bì trắng, ký hiệu “T” mặt sau có 05 hình dấu tròn màu đỏ, nội dung “PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ * CÔNG AN TỈNH THANH HÓA” và các chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Thị Hồng, Đỗ Hồng Quân giao cho Cơ quan điều tra đưa vào hồ sơ vụ án.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 69/2025/HS-ST ngày 18/6/2025 của Tòa án nhân dân thị xã S áp dụng: điểm b, d khoản 2 Điều 341; điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Văn F: 24 tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; 25 tháng tù tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 49 (bốn mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngày 19/6/2025, bị cáo Lê Văn F làm đơn kháng cáo với cùng nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, xử phạt bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị cáo vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, các chứng cứ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn F vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ kết luận: Bị cáo Lê Văn F đã có hành vi cung cấp thông tin để đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 36C-384.50, sau đó F đã 2 lần sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 36C-384.50 giả để thực hiện tội phạm nghiêm trọng (cầm cố, bán xe ô tô trong khi xe ô tô đang được cầm cố, thế chấp trong một hợp đồng dân sự khác).

Ngoài ra, Lê Văn F còn dùng thủ đoạn gian dối, nói dối là xe ô tô của F đang sử dụng, và có đầy đủ giấy tờ hợp pháp (F đưa cho anh Trần G và anh Lê B giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 36C-384.50 giả), nên anh Toàn và anh Bắc tin tưởng là thật, nên anh Toàn đã đồng ý cầm cố số tiền 30.000.000đ, sau đó anh Bắc đã mua xe ô tô BKS 36C-384.50 với số tiền 77.000.000đ. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 107.000.000đ.

Do có hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b, d khoản 2 Điều 341 và điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là chính xác.

[2] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo:

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết: thành khẩn khai báo, bồi thường cho người bị hại 5.000.000đ - là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã 02 lần trong các ngày 31/7/2024; 01/8/2024 dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt của anh Trần G 30.000.000đ, chiếm đoạt của anh Lê B 77.000.000đ - là tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức đầu khung của hai tội là đã có phần nhẹ cho bị cáo, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, cũng như tại phiên tòa bị cáo không có tình tiết nào mới làm căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo như nội dung đơn kháng cáo của bị cáo. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn F, như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh là có căn cứ.

[3] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** Điều a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn F, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 69/2025/HS-ST ngày 18/6/2025 của Tòa án nhân dân thị xã S.

*** Áp dụng:** điểm b, d khoản 2 Điều 341; điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự.

*** Xử phạt:** Lê Văn F: 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; 25 (hai mươi lăm) tháng tù tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 49 (bốn mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

*** Án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND khu vực 9-Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 9-Thanh Hóa;
- CQCSĐT Công an tỉnh TH;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Hùng

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ S
TỈNH T**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2025/HS-ST

Ngày: 18-6-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S - TỈNH T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Đình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Lê Thế Hải

Thư ký phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Toà án nhân dân thị xã S, tỉnh T

Đại diện VKSND thị xã S tham gia phiên tòa: Ông Lâm Ngọc Anh - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh T, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 62/2025/TLST-HS ngày 23/5/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2025/QĐXXST-HS ngày 05/6/2025 đối với bị cáo:

Lê Văn F - Sinh năm 1994, tại xã Hải Yến, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tổ dân phố Bắc Hải, phường Hải Thượng (*trước đây là thôn Nam Yến, xã Hải Yến*), thị xã S, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lê Văn Quân (Đã chết) và bà: Trần Thị Ngân (Đã chết); Vợ: Mai Thị Hương; sinh năm 1998; có 02 con; con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 12/8/2021, bị UBND xã Hải Yến ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã bằng hình thức cai nghiện ma túy, thời hạn 03 tháng, kể từ ngày 12/8/2021 đến ngày 12/11/2021.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, thuộc Công ty TNHH Dương Da – Chi nhánh Đà Nẵng; Địa chỉ: 141 Diệp Minh, phường Hoà Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

*** Bị hại:**

- Anh Trần G, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ dân phố Liên Trung, phường Hải Thượng, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

- Anh Lê B, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ dân phố Dự Quần 1, phường Xuân Lâm, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa (có mặt)

*** Người làm chứng:**

- Công ty TNHH SRISAWAD Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa 3; Địa chỉ: số 383 đường Bà Triệu, thị trấn Nông Công, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Anh Tuấn. Giám đốc chi nhánh (vắng mặt)

- Anh Trần Minh Bảo – Sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ dân phố Bắc Hải, phường Hải Thượng, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn F là chủ sở hữu xe ô tô tải BKS 36C-384.50. Ngày 22/02/2023, F mang chiếc xe ô tô này đến Công ty TNHH SRISAWAD Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa 3, địa chỉ tại số 383 đường Bà Triệu, thị trấn Nông Công, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa cầm cố lấy số tiền 50.000.000 đồng, theo thỏa thuận Công ty giữ lại giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và cho F mượn lại chiếc xe ô tô kèm theo các giấy tờ khác của xe để sử dụng trong thời hạn 01 tháng với mức phí 1.500.000 đồng. Sau đó, F nảy sinh ý định làm giả giấy đăng ký xe ô tô nên đã sử dụng hình ảnh đăng ký xe chụp trước đó đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe số 36 032489, mang tên Lê Văn F, có số máy, số khung và biển số trùng với biển số đăng ký của xe là 36C1-384.50 với mục đích sử dụng để tham gia giao thông hoặc sử dụng để cầm cố hoặc bán xe. Ngày 31/7/2024, do cần tiền tiêu xài nên F đã sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cùng với chiếc xe ô tô BKS 36C-384.50 đến nhà anh Trần G, sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố Liên Trung, phường Hải Thượng, thị xã S để cầm cố lấy số tiền 30.000.000 đồng. Đến ngày 01/8/2024, do cần thêm tiền tiêu xài nên F đã bán lại chiếc xe này cho Lê B, trú tại tổ dân phố Dự Quân 1, phường Xuân Lâm, thị xã S, anh Bắc kiểm tra thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả trùng với đặc điểm và thông số của xe nên đã tin tưởng, đồng ý mua chiếc xe này với giá 77.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, F đã dùng số tiền này trả nợ cho anh Toàn và tiêu xài cá nhân.

Về phần anh Bắc sau khi mua xe, thì phát hiện giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô trên là giả nên đã trình báo sự việc đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã S và giao nộp 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 19/8/2024, biết hành vi sử dụng giấy tờ giả của mình bị phát hiện, nên F đã đến công ty TNHH SRISAWAD Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa 3 tắt toán khoản vay, lấy lại giấy chứng nhận đăng ký xe giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận giám định số 3568/KL-KTHS, ngày 30/9/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 36 032489 mang tên Lê Văn F nêu ở mục II.1.1 (ký hiệu A) là giả (bao gồm: Phôi in, hình dấu và chữ ký).

Tại Kết luận giám định số 40/KL-KTHS, ngày 18/12/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 36 032489 đứng trên Lê Văn F ở mục II.1 (ký hiệu A) có: Phôi in; hình dấu tròn, màu đỏ, nội dung: “PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG*CÔNG AN TỈNH THANH HÓA”; hình dấu tên “ĐẠI TÁ Lê Văn Chiến” được làm bằng phương pháp in laser màu”. Chữ ký đứng tên ĐẠI TÁ Lê Văn Chiến là chữ ký trực tiếp, so với chữ ký đứng tên ĐẠI TÁ Lê Văn Chiến ở mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

Quá trình điều tra, bị cáo Lê Văn F đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi sử dụng giấy tờ giả là giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để cầm cố và bán xe, chiếm đoạt số tiền 77.000.000 đồng của anh Lê B như đã nêu trên. Lời khai của bị can phù hợp với vật chứng thu giữ và kết quả giám định giấy tờ giả; phù hợp với lời khai trình bày của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về nguồn gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, quá trình điều tra Lê Văn F khai đã đặt mua của một nam nhân viên thuộc cơ sở quảng cáo Tùng Quế, có địa chỉ tại tổ dân phố Liên Hải, phường Hải Thượng, thị xã S. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, làm việc với anh Nguyễn Bá Tùng, là chủ cơ sở quảng cáo trên, tuy nhiên anh Tùng không thừa nhận cơ sở của anh đã làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho F; ngoài lời khai của F thì không còn tài

liệu, chứng cứ nào khác chứng minh nên không có căn cứ xác định cơ sở quảng cáo Tùng Quế của anh Tùng đã làm giả giấy tờ trên.

Cũng trong quá trình điều tra, F khai đã đặt mua 06 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, F đã sử dụng 01 chiếc để cầm cố và bán xe, còn lại 05 chiếc F cất giấu tại nhà, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét nơi ở của F, nhưng không thu giữ thêm được giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả nào. Ngoài lời khai của F, thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh F đã đặt làm giả 06 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả như F đã khai báo trên.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ:

** Thu giữ của Lê B:*

- 01 xe ô tô tải BKS 36C-384.50, có số khung RRT06525TM1A00680, số máy DK121021326508; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của xe ô tô BKS 36C-384.50. Sau khi xác minh nguồn gốc phương tiện, Cơ quan điều tra đã giao trả chiếc xe ô tô và giấy tờ trên cho anh Lê B.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 36 032489, mang tên Lê Văn F, có số máy K121021326508, số khung RRT06525TM1A00680, biển số đăng ký 36C1-384.50, sau giám định, xác định đây là giấy tờ giả, Cơ quan giám định đã niêm phong trong phong bì màu trắng, mặt sau có 05 hình dấu tròn màu đỏ, nội dung “PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ * CÔNG AN TỈNH THANH HÓA” và các chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Thị Hồng, Đỗ Hồng Quân giao cho Cơ quan điều tra đưa vào hồ sơ vụ án.

** Thu giữ của Lê Văn F:* 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 36 032489, mang tên Lê Văn F, số máy DK121021326508, số khung RRT06525TM1A00680, biển số đăng ký 36C1-384.50. Sau giám định, Cơ quan giám định đã niêm phong trong phong bì trắng, ký hiệu “T” mặt sau có 05 hình dấu tròn màu đỏ, nội dung “PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ * CÔNG AN TỈNH THANH HÓA” và các chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Thị Hồng, Đỗ Hồng Quân giao cho Cơ quan điều tra đưa vào hồ sơ vụ án.

Tại Bản Cáo trạng số: 71/CT-VKSNS ngày 21/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã S truy tố Lê Văn F về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 341 và điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện VKS nhân dân thị xã S giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 341; điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); Điều 38; Điều 55 BLHS. Đề nghị xử phạt: Lê Văn F:

+ Tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”: Từ 24 tháng đến 27 tháng tù.

+ Tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Từ 25 tháng đến 27 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt: Từ 49 tháng đến 54 tháng tù.

*** Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.**

*** Về phần dân sự dân sự:** Lê Văn F đã sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe giả của xe ô tô BKS 36C-384.50 để chiếm đoạt của anh Trần G số tiền 30.000.000 đồng. Hiện bị cáo F đã trả lại đầy đủ số tiền trên cho anh Toàn, anh Toàn không có yêu cầu gì. Đối với số tiền 77.000.000 đồng Lê Văn F chiếm đoạt của anh Lê B. Hiện anh Bắc đã thống nhất nhận lại xe ô tô BKS 36C-384.50 và không có yêu cầu nhận lại số tiền 77.000.000 đồng nên đề nghị chấp nhận yêu cầu trên của bị hại.

Đối với giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 36C-384.50 (giấy thật) cần trả lại cho anh Lê B.

** Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo:* Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến bị cáo chỉ có một hành vi duy nhất là sử dụng thủ đoạn gian dối, sử dụng giấy tờ xe giả để bán xe cho anh Lê B nhằm chiếm đoạt số tiền 77.000.000 đồng. Do đó bị cáo chỉ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, không phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”. Đối với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, Khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ Luật hình sự.

** Ý kiến của bị hại Lê B:* Đối với chiếc xe ô tô BKS 36C-384.50 hiện nay anh đang quản lý anh đề nghị nhận lại xe ô tô BKS 36C-384.50 và không yêu cầu nhận lại số tiền 77.000.000đ và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận đối với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo nhận thấy việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa, Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, Điều tra viên, Kiểm sát viên VKSND thị xã S trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Kết quả điều tra, xét hỏi tại phiên tòa xác định

Xuất phát từ động cơ vụ lợi nên sau khi cầm cố chiếc xe ô tô BKS 36C-384.50 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký của xe cho Công ty TNHH SRISAWAD Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa 3, để vay số tiền 50.000.000 đồng và được Công ty cho mượn lại chiếc xe để sử dụng, Lê Văn F đã đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, sau đó vào ngày 31/7/2024, F đã sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe giả này đem chiếc xe cầm cố cho anh Trần G, trú tại tổ dân phố Liên Trung, phường Hải Thượng, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa vay số tiền 30.000.000 đồng. Đến ngày 01/8/2024, F tiếp tục sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe giả trên lừa bán chiếc xe ô tô cho anh Lê B, trú tại tổ dân phố Dự Quần 1, phường Xuân Lâm, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa để lấy số tiền 77.000.000 đồng, sử dụng tiền để trả nợ cho anh Toàn và tiêu xài cá nhân. Sau khi biết hành vi sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả để lừa bán chiếc xe ô tô trên bị anh Bắc phát hiện trình báo cơ quan Công an, F đã đến Công ty TNHH SRISAWAD Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa 3 trả toàn khoản vay, lấy lại giấy chứng nhận đăng ký xe giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Trong quá trình điều tra, bị cáo thừa nhận hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức. Tuy nhiên trong giai đoạn truy tố và tại phiên tòa bị cáo cho rằng, bị cáo chỉ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, không phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Bị cáo chỉ có một hành vi duy nhất là sử dụng thủ đoạn gian dối, sử dụng giấy tờ xe giả để bán xe cho anh Lê B nhằm chiếm đoạt

số tiền 77.000.000 đồng. Do đó bị cáo chỉ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, không phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

Xét thấy: Quá trình điều tra và kết quả thẩm vấn tại phiên tòa đã xác định: Bị cáo Lê Văn F đã có hành vi cung cấp thông tin để đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 36C-384.50, sau đó F đã 2 lần sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 36C-384.50 giả để thực hiện tội phạm nghiêm trọng (cầm cố, bán xe ô tô trong khi xe ô tô đang được cầm cố, thế chấp trong một hợp đồng dân sự khác). Do đó hành vi của Lê Văn F đã phạm vào tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra Lê Văn F còn dùng thủ đoạn gian dối, nói dối là xe ô tô của F đang sử dụng hợp pháp, có đầy đủ giấy tờ hợp pháp (thể hiện bằng việc F đưa cho anh Toàn và anh Bắc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 36C-384.50 giả), nên anh Toàn và anh Bắc tin tưởng là thật nên đã đồng ý cầm cố số tiền 29.300.000 đồng và mua xe ô tô BKS 36C-384.50 với số tiền 77.000.000 đồng. Tổng 107.000.000 đồng. Do đó hành vi của Lê Văn F đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Trong trường hợp này, hành vi của Lê Văn F không thuộc trường hợp “thực hiện một hành vi nhưng thỏa mãn dấu hiệu cấu thành của nhiều tội phạm” như ý kiến của luật sư bào chữa mà đã đủ yếu tố cấu thành cả hai tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và tội “*lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” như Quyết định truy tố và lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S là có căn cứ pháp luật.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: hành vi của Lê Văn F đã phạm tội “**Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức**” với tình tiết định khung “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng*” quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự. Tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự;

[3] Tính chất vụ án

Bị cáo đã có hành vi cung cấp thông tin để đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô, sau đó 2 lần sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả để thực hiện tội phạm nghiêm trọng (cầm cố vay tiền và bán xe **ô tô**). Hành vi của bị cáo là nguy hiểm đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Bảo vệ sự an toàn của con dấu và các tài liệu, giấy tờ trên cũng chính là bảo đảm sự hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính của Nhà nước về con dấu và các loại tài liệu, giấy tờ này.

Ngoài ra, vì động cơ mục đích vụ lợi nên bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối là xe ô tô của bị cáo đang sử dụng hợp pháp, có đầy đủ giấy tờ hợp pháp nên các bị hại tin tưởng là thật nên đã đồng ý cầm cố, mua xe, qua đó bị cáo đã chiếm đoạt 106.300.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm thể hiện sự coi thường pháp luật, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác đồng thời gây mất trật tự trị an xã hội. Do đó cần phải xử lý nghiêm trọng xứng với tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

** Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo đã 02 lần trong các ngày 31/7/2024; 01/8/2024 dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt của anh Trần G 30.000.000đ, chiếm đoạt của anh Lê B 77.000.000đ. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

** Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo khắc phục một phần thiệt hại số tiền 5.000.000đ cho bị hại, nên được áp dụng tình tiết

giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm cho bị cáo 1 phần hình phạt thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có thể giáo dục cải tạo trở thành người có ích cho xã hội. Do bị cáo phạm nhiều tội nên cần áp dụng Điều 55 BLHS để quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng liên quan đến vụ án. Sau khi xác minh làm rõ nguồn gốc tài sản, phương tiện, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng: Trả lại 01 xe ô tô tải BKS 36C-384.50, có số khung RRT06525TM1A00680, số máy DK121021326508; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe ô tô BKS 36C-384.50 cho anh Lê B.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Lê Văn F đã sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe giả của xe ô tô BKS 36C-384.50 để chiếm đoạt của anh Trần G số tiền 30.000.000 đồng. Hiện bị cáo F đã trả lại đầy đủ số tiền trên cho anh Toàn, anh Toàn không có yêu cầu gì. Đối với số tiền 77.000.000 đồng Lê Văn F chiếm đoạt của anh Lê B. Hiện anh Bắc đã thống nhất nhận lại xe ô tô BKS 36C-384.50 và không có yêu cầu nhận lại số tiền 77.000.000 đồng nên chấp nhận đề nghị trên của bị hại.

Đối với giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 36C-384.50 (giấy thật) cần trả lại cho anh Lê B.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: điểm b, d khoản 2 Điều 341; điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự.

2. Tuyên bố: Lê Văn F phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Lê Văn F:

+ Tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” 24 (hai bốn) tháng tù.

+ Tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” 25 (hai lăm) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 49 (bốn chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Thống nhất sự thỏa thuận của bị hại về bồi thường thiệt hại.

Trả lại cho anh Lê B: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 36C-384.50 (giấy thật).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016, ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thị xã S;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQCSĐT Công an tỉnh T;
- Phân trại tạm giam khu vực S, Công an tỉnh T;
- CCTHADS TX S;
- UBND nơi BC cư trú;
- Bị cáo; Người TGTT khác;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Đình Thuận